

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/07/2018)

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Cẩm La Hương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2019

Số: 24 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày ngày 03 tháng 04 năm 2019, từ trang 04 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2019



Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		788.532.954.484	552.472.723.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	479.116.207.042	270.700.519.343
1. Tiền	111		401.116.207.042	270.700.519.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.813.224.579	264.319.592.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	88.443.045.177	12.710.477.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	132.856.313.854	130.170.888.538
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.100.000.000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	66.413.865.548	121.338.226.955
III. Hàng tồn kho	140	8	4.401.482.924	4.896.850.971
1. Hàng tồn kho	141		4.401.482.924	4.896.850.971
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.202.039.939	12.555.759.906
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	13.483.008.628	12.491.136.843
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		718.031.311	64.623.063
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.000.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.470.794.773.518	1.314.393.390.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.307.430.329	22.267.658.795
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	42.307.430.329	22.267.658.795
II. Tài sản cố định	220		347.658.261.575	389.962.198.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	151.001.879.261	156.762.552.607
- Nguyên giá	222		201.776.739.815	174.391.137.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.774.860.554)	(17.628.584.915)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	196.656.382.314	233.199.646.148
- Nguyên giá	228		215.500.502.505	243.224.323.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.844.120.191)	(10.024.677.227)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	158.004.201.096	1.490.153.090
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		158.004.201.096	1.490.153.090
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	297.764.426.336	281.402.030.839
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		282.180.426.336	280.894.253.839
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125.100.000)	(91.323.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.110.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		625.060.454.182	619.271.349.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	141.243.694.793	78.014.573.245
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	363.287.671
3. Lợi thế thương mại	269	14	483.453.471.718	540.893.488.162
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.259.327.728.002	1.866.866.113.586

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.023.733.666.692	732.924.093.069
I. Nợ ngắn hạn	310		748.960.043.796	657.371.930.475
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	34.787.245.489	26.915.343.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	118.568.254.669	52.676.162.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	39.115.746.620	53.728.845.012
4. Phải trả người lao động	314		48.486.649.879	43.955.617.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	43.751.479.058	80.874.714.505
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	264.826.370.455	251.925.203.534
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	5.599.249.928	4.310.607.999
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	193.825.047.698	142.985.435.360
II. Nợ dài hạn	330		274.773.622.896	75.552.162.594
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	23.547.209.691	13.946.774.479
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	249.199.314.543	61.605.388.115
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.027.098.662	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.235.594.061.310	1.133.942.020.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.235.594.061.310	1.133.942.020.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		688.800.000.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.074.070.000	90.074.070.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		160.746.889.661	171.782.178.169
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		102.257.420.062	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		58.489.469.599	160.216.172.955
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		295.973.101.649	183.285.772.348
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.259.327.728.002	1.866.866.113.586



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.045.143.074.485	549.759.757.994
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.100.000	434.500.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	1.045.126.974.485	549.325.257.994
4. Giá vốn hàng bán	11	24	551.234.168.127	257.649.090.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		493.892.806.358	291.676.167.157
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.216.943.636	121.078.757.725
7. Chi phí tài chính	22	26	28.001.458.714	5.917.051.928
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.891.076.804	5.533.733.977
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		1.286.172.497	2.044.253.839
9. Chi phí bán hàng	25	27	240.379.114.610	133.203.498.515
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	121.425.377.968	68.018.402.400
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		120.589.971.199	207.660.225.878
12. Thu nhập khác	31	29	17.799.233.927	1.425.875.422
13. Chi phí khác	32	30	12.394.111.748	11.199.850.685
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.405.122.179	(9.773.975.263)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		125.995.093.378	197.886.250.615
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	37.673.112.279	26.744.856.515
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.027.098.662	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		86.294.882.437	171.141.394.100
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		58.489.469.599	160.216.172.955
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		27.805.412.838	10.925.221.145
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	849,15	3.296,17



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.995.093.378	197.886.250.615
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	99.405.735.047	49.288.277.242
- Các khoản dự phòng	03	33.777.000	91.323.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.467.116.133)	(123.118.787.415)
- Chi phí lãi vay	06	26.891.076.804	5.533.733.977
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	235.858.566.096	129.680.797.419
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(92.069.322.202)	91.172.613.074
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	495.368.047	7.074.378.266
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	45.796.690.444	125.892.259.268
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(64.220.993.333)	49.585.768.989
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.874.862.775)	(4.814.833.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.664.885.504)	(15.126.254.419)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(937.001.644)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.383.559.129	383.464.728.620
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(117.329.707.324)	(359.069.118.127)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(642.273.175.000)	(602.477.356.629)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	580.393.175.000	799.374.261.819
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(593.734.266.356)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	21.751.669.347	254.600.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.992.467.781	21.304.938.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(151.465.570.196)	(734.346.940.737)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	85.174.160.000	465.863.470.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	576.949.964.846	465.099.928.350
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(294.746.426.080)	(311.606.111.465)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.880.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	298.497.698.766	619.357.286.885
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	208.415.687.699	268.475.074.768
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	270.700.519.343	2.225.444.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	479.116.207.042	270.700.519.343



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non
3	Công ty TNHH Apax Franklin Academy	Tp. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
1	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
3	Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;*
- Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.*

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ Công ty đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng kỳ.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phục vụ đầu tư vào các Dự án Apex Leaders và Dự án Leader in me được phân bổ như sau: Việc tập hợp chi phí của dự án Apex Leader được thực hiện theo các trung tâm hình thành trong tương lai, bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong kỳ khi các trung tâm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng; Dự án Leader in me bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong kỳ khi chính thức đưa vào giảng dạy tại các trung tâm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí ghi danh học sinh, chi phí khởi nghiệp ban đầu, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trước hoạt động dự án Apex Leader là các khoản chi phí của 8 trung tâm đi vào hoạt động trong năm 2018, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thi công nội thất của các trung tâm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí ghi danh học sinh thể hiện số tiền bản quyền dạy học hàng năm trả cho nhà cung cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khoá học nhưng học sinh chưa hoàn thành khoá học, các khoá học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

Chi tiết bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 35.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt (i)	161.315.727.297	49.406.264.177
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	143.881.519.323	217.040.939.166
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán (ii)	90.016.230.422	-
Tiền đang chuyển (iii)	5.902.730.000	4.253.316.000
Các khoản tương đương tiền (iv)	78.000.000.000	-
	479.116.207.042	270.700.519.343

Ghi chú:

(i) Số dư tiền mặt tại Văn phòng các Công ty và 69 trung tâm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Trung Tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn Phòng Công ty Cổ phần Apax Holdings	173.400.743	682.687.448
Văn Phòng Công ty TNHH Apax Franklin Academy	53.511.717	2.778.800
Văn Phòng Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	11.373.830.817	7.836.111.369
Trường mầm non Dolphin	1.182.426.539	-
Trường mầm non Legend	119.570.000	(*)
Trường mầm non Hồ Gươm	1.030.108.772	-
Trường mầm non Monbay	1.896.968.307	(*)
Trường mầm non Artemis	98.495.583	(*)
Trường mầm non Helios	1.085.446.634	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

Trung Tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn Phòng Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	6.067.464.911	7.727.397.931
Trung tâm Phan Văn Trị	2.441.169.800	3.013.799.500
Trung tâm Flemington	2.452.263.767	2.996.198.500
Trung tâm Cộng Hòa	2.379.659.849	2.974.403.000
Trung tâm Sương Nguyệt Ánh	2.348.943.900	2.949.715.600
Trung tâm Sài Gòn Pearl	2.445.612.500	2.741.374.000
Trung tâm Võ Văn Tần	2.365.598.500	2.529.676.500
Trung tâm Hà Đông 2	2.204.268.000	1.811.982.000
Trung tâm Hoàng Đạo Thúy 2	2.568.342.500	1.283.000.000
Trung tâm Mỹ Đình	2.318.806.104	1.210.678.229
Trung tâm Hai Bà Trưng	2.356.968.300	1.161.265.000
Trung tâm Trần Hưng Đạo	2.501.638.000	1.156.479.000
Trung tâm Times City	2.893.938.662	1.082.890.000
Trung tâm Hà Đông 1	2.404.674.000	1.062.477.000
Trung tâm Hoàng Đạo Thúy	2.431.708.174	900.209.500
Trung tâm Bình Dương	2.486.844.565	829.302.800
Trung tâm Phan Xích Long	2.309.859.000	720.903.000
Trung tâm Đà Nẵng 1	2.483.672.760	686.045.000
Trung tâm Hạ Long Quảng Ninh 1	2.583.665.000	627.810.000
Trung tâm Lý Thường Kiệt	2.678.731.000	574.669.000
Trung tâm Lê Đại Hành	2.515.880.500	522.844.500
Trung tâm Huế 1	2.471.222.100	386.900.000
Trung tâm Ưông Bí	2.476.886.000	383.868.000
Trung tâm Cẩm Phả	2.805.000.000	179.685.000
Trung tâm Ninh Bình 1	2.606.260.000	142.400.000
Trung tâm Lê Hồng Phong	2.654.544.000	113.089.000
Trung tâm Lê Lợi- Thanh Hóa	2.464.201.000	105.162.000
Trung tâm Đà Nẵng 2	2.415.465.000	87.008.000
Trung tâm Thụy Khuê	2.829.571.000	80.862.500
Trung tâm Định Công	2.404.630.500	80.609.000
Trung tâm Núi Trúc	2.360.288.000	79.128.500
Trung tâm Trung Kính	2.627.501.500	71.360.000
Trung tâm Lào cai 1	2.062.565.000	66.584.000
Trung tâm Vĩnh Phúc 1	2.664.681.945	59.978.000
Trung tâm Xala Hà Đông	2.621.654.143	47.566.000
Trung tâm Bãi Cháy	2.860.290.156	45.865.000
Trung tâm Việt Trì Phú Thọ 1	2.546.585.000	38.359.000
Trung tâm Vinh 2	2.594.315.000	36.757.500
Trung tâm Cầu Giấy	2.471.500.000	36.472.000
Trung tâm Bắc Ninh	2.171.690.000	35.750.000
Trung tâm Từ Sơn	2.270.309.000	35.193.000
Trung tâm Thái Bình 1	2.815.400.000	33.055.000
Trung tâm Linh Đàm	2.691.735.500	27.488.500
Trung tâm Long Biên	2.404.210.000	22.550.000
Trung tâm Thái Nguyên 1	2.581.485.000	22.440.000
Trung tâm Nguyễn Chí Thanh	2.479.606.000	22.050.000
Trung tâm Nguyễn Sơn	2.432.989.500	20.123.000
Trung tâm Vĩnh Phúc 2	2.599.717.044	13.480.500
Trung tâm Quang Trung	2.753.479.000	12.917.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

Trung Tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Kim Liên	2.482.863.000	12.294.000
Trung tâm Hà Nam 1	2.609.141.000	11.020.500
Trung tâm Vinh 1	2.531.433.000	8.380.000
Trung tâm Thái Hà	2.436.004.000	2.513.500
Trung tâm Hoàng Quốc Việt	2.370.867.531	570.500
Trung tâm Láng Hạ	2.368.396.548	87.000
Trung tâm Trung Văn	2.706.458.719	-
Trung tâm Võ Thị Sáu	75.912.400	(*)
Trung tâm Nguyễn Thị Thập	60.056.000	(*)
Trung tâm Trần Bình Trọng	39.105.000	(*)
Trung tâm Lê Văn Việt	21.420.000	(*)
Trung tâm Hoàng Văn Thụ	26.000.000	(*)
Trung tâm Trường Chinh	79.365.000	(*)
Trung tâm D2 - Bình Thạnh	38.174.807	(*)
Trung tâm Vũng Tàu 1	79.280.000	(*)
Tổng	161.315.727.297	49.406.264.177

(*) Tại thời điểm đầu năm, các trung tâm này chưa đi vào hoạt động.

- (ii) Khoản tiền gửi tại tài khoản nhà đầu tư của Công ty Chứng khoán, khoản tiền gửi có thể rút ra bất cứ lúc nào và hưởng lãi suất không kỳ hạn.
- (iii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty.
- (iv) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	88.443.045.177	12.710.477.316
Ông Nguyễn Ngọc Thùy (i)	40.614.829.345	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Kim Cương	7.620.000.000	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	5.686.771.200	9.790.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	-
Các đối tượng khác	30.521.444.632	2.920.477.316
b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	40.692.829.345	-
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	40.614.829.345	-
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	78.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Theo Quyết định số 1109/2018/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 9 năm 2018, Công ty thực hiện thanh lý quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc Thùy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	132.856.313.854	130.170.888.538
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT (i)	26.672.569.828	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN (ii)	43.959.208.281	86.961.379.262
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba (iii)	28.897.591.508	29.313.366.695
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	10.801.592.710	10.910.306.724
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	7.260.917.725	-
Các đối tượng khác	15.264.433.802	2.985.835.857
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	800.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	800.000.000	-

Ghi chú:

(i) Trả trước cho Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT theo Thỏa thuận hợp tác năm 2018 và Hợp đồng số HĐNT 01/2018 về việc thi công thiết kế nội thất cho 09 điểm trường mầm non của Công ty, tổng mức đầu tư của dự án là 108 tỷ đồng, thời gian thực hiện đến 31/12/2019.

(ii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng nguyên tắc 65/2017/APAX-HN/HĐTC ký ngày 02/05/2017 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN.
- Hợp đồng nguyên tắc số 80/2017/IGARTEN-HN/HĐTC ngày 02/08/2017 và các phụ lục kèm theo về việc thi công thiết kế nội thất cho các điểm trường mầm non Công ty đang triển khai.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng Anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi nhận tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 18) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

(iii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu để thi công nội thất công trình theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng nguyên tắc 23/1502/2016/HĐNT/GEG-BB ký ngày 15/2/2016 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba.
- Hợp đồng nguyên tắc số 01/2017/APAX FA-BB ngày 18/12/2017 về việc thi công, lắp đặt nội thất tại điểm trường của Công ty.

Đồng thời Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình là các trung tâm tiếng Anh và các điểm trường đã xây dựng hoàn thành, giá trị các công trình sẽ được ghi tương ứng vào chi phí trích trước (như trình bày tại Thuyết minh số 18) theo dự toán xây dựng, sau đó khi có quyết toán tổng thể sẽ hạch toán bù trừ khoản trích trước chi phí với khoản trả trước cho người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	66.413.865.548	-	121.338.226.955	-
Ký cược, ký quỹ (i)	24.132.887.000	-	22.900.000.000	-
Tạm ứng	4.601.837.655	-	1.736.278.847	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	347.900.365	-	-	-
Phải thu khác	37.331.240.528	-	96.701.948.108	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	-	-	45.457.000.000	-
- Ông Đặng Văn Dương (ii)	22.798.330.653	-	44.550.000.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú (iii)	5.956.825.218	-	682.759.941	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thùy	494.340.484	-	524.540.484	-
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy - Công ty liên kết gián tiếp (iii)	-	-	3.322.297.631	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool - Cùng tập đoàn (iv)	855.116.420	-	205.291.070	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết gián tiếp (iv)	4.574.403.542	-	1.341.609.794	-
- Công ty Cổ phần Studynet - Công ty liên kết gián tiếp	191.636.250	-	191.636.250	-
- Các đối tượng khác	2.460.587.961	-	426.812.938	-
b) Phải thu khác dài hạn	42.307.430.329	-	22.267.658.795	-
Ký cược, ký quỹ (v)	42.307.430.329	-	22.267.658.795	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính;
- (ii) Phải thu theo Hợp đồng số 02/2017/HĐCN- IGARTEN ngày 22/06/2017;
- (iii) Tiền lãi tiền cho vay trong năm.
- (iv) Phải thu do tiền chi trả hộ hàng hóa là balo, sách, tablet cho các Công ty trong cùng hệ thống;
- (v) Chủ yếu là khoản ký cược, ký quỹ thuê các trung tâm.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	384.836.591	-	318.284.033	-
Hàng hoá	4.016.646.333	-	4.578.566.938	-
	4.401.482.924	-	4.896.850.971	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	13.483.008.628	12.491.136.843
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	10.089.699.236	8.778.074.152
Chi phí bảo hiểm	66.876.590	-
Chi phí công cụ dụng cụ	325.031.940	277.215.001
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.001.400.862	3.435.847.690
b) Dài hạn	141.243.694.793	78.014.573.245
Chi phí trước hoạt động các trung tâm dự án Apax Leader (i)	84.601.803.244	-
Chi phí mua bản quyền phần mềm	379.383.566	263.207.296
Chi phí thành lập doanh nghiệp	14.127.872.609	23.394.799.793
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	7.706.708.052	20.918.207.571
Chi phí công cụ dụng cụ	8.908.025.881	9.752.993.496
Chi phí thi công nội thất	8.048.499.310	23.516.373.137
Chi phí lắp đặt trang thiết bị các Trung tâm tiếng anh (ii)	711.501.810	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	16.759.900.321	168.991.952

Ghi chú:

(i) Chi phí trước hoạt động của các Trung tâm Võ Thị Sáu, Trung tâm Nguyễn Thị Thập, Trung tâm Trần Bình Trọng, Trung tâm Lê Văn Việt, Trung tâm Hoàng Văn Thụ, Trung tâm Trường Chinh, Trung tâm D2-Bình Thạnh, Trung tâm Vũng Tàu 1.

(ii) Chi phí trả trước chi phí lắp đặt trang thiết bị các Trung tâm tiếng Anh là tiền thiết kế, thi công, lắp đặt nội thất, thiết bị giảng dạy tại Trung tâm tiếng Anh 88 Láng Hạ và 20 Núi Trúc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	162.710.906.643	10.007.719.970	1.672.510.909	-	174.391.137.522
Tăng trong năm	20.848.349.580	97.300.000	5.575.570.126	1.536.648.800	28.057.868.506
Giảm khác	(652.280.513)	(19.985.700)	-	-	(672.266.213)
Số dư cuối năm	182.906.975.710	10.085.034.270	7.248.081.035	1.536.648.800	201.776.739.815
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	13.101.302.017	4.352.215.393	175.067.505	-	17.628.584.915
Khấu hao trong năm	29.595.306.819	3.190.679.556	251.086.092	109.203.172	33.146.275.639
Số dư cuối năm	42.696.608.836	7.542.894.949	426.153.597	109.203.172	50.774.860.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	149.609.604.626	5.655.504.577	1.497.443.404	-	156.762.552.607
Số dư cuối năm	140.210.366.874	2.542.139.321	6.821.927.438	1.427.445.628	151.001.879.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	145.939.266.075	95.456.203.523	1.828.853.777	243.224.323.375
Tăng trong năm	3.653.232.714	10.416.319.733	476.500.000	14.546.052.447
Thanh lý nhượng bán	(39.132.636.884)	-	-	(39.132.636.884)
Giảm khác	-	(3.137.236.433)	-	(3.137.236.433)
Số dư cuối năm	110.459.861.905	102.735.286.823	2.305.353.777	215.500.502.505
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	9.317.575.504	707.101.723	10.024.677.227
Khấu hao trong năm	-	8.201.624.715	617.818.249	8.819.442.964
Số dư cuối năm	-	17.519.200.219	1.324.919.972	18.844.120.191
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	145.939.266.075	86.138.628.019	1.121.752.054	233.199.646.148
Số dư cuối năm	110.459.861.905	85.216.086.604	980.433.805	196.656.382.314

Ghi chú:

Quyền sử dụng đất của Công ty là các mảnh đất dự kiến phục vụ mục tiêu mở rộng mạng lưới. Cụ thể như sau:

- Đất Tứ Liên, Tây Hồ Tổ 15, cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;
- Thửa đất số 164, bản đồ số F48-115-24, xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội;
- Đất Pháp Vân, Hoàng Mai Ô đất số 16 lô BT15, dự án khu ĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
- Đất Cự Khối, Long Biên Tổ 3, phường Cự Khối, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Thửa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha. Phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án Apax Leaders (i)	84.514.705.491	-
Dự án Leader in me (ii)	57.514.929.646	-
Phần mềm FSOFT (iii)	3.355.992.728	-
Chi phí thực hiện dự án đào tạo song bằng tú tài Hà Nội (iv)	3.712.736.571	-
Chi phí thực hiện dự án đào tạo song bằng tú tài HCM (v)	2.666.114.115	-
Dự án Khác	6.239.722.545	1.490.153.090
	158.004.201.096	1.490.153.090

Ghi chú:

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng của các Trung tâm đào tạo thuộc dự án Apax Leader tại Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.
- (ii) Chi phí thực hiện chương trình đào tạo mới của dự án Leader in me được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax ngày 15 tháng 06 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (iii) Dự án Fsoft là dự án thiết lập phần mềm quản trị doanh nghiệp Microsoft Dynamic 365, Công ty thuê Công ty TNHH Phần Mềm FPT thiết kế, xây dựng phần mềm quản trị doanh nghiệp để sử dụng, thời gian thực hiện dự án đến 31/12/2019.
- (iv) Dự án đào tạo song bằng tú tài tại Hà Nội là dự án hợp tác đào tạo với các trường THPT trên địa bàn Hà Nội nhằm dạy chương trình THPT song bằng cho học sinh có nguyện vọng nhận bằng THPT Mỹ của trường Franklin Virtual High School. Dự án đã được thí điểm chương trình THPT Song bằng tại trường THPT Lý Thái Tổ. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án là các chi phí tập hợp trong giai đoạn triển khai dự án, khi dự án chính thức có doanh thu sẽ được kết chuyển dần vào chi phí theo quy định hiện hành.
- (v) Dự án đào tạo song bằng tú tài tại Hồ Chí Minh là dự án hợp tác đào tạo với các trường THPT trên địa bàn TP Hồ Chí Minh nhằm dạy chương trình THPT song bằng cho học sinh có nguyện vọng nhận bằng THPT Mỹ của trường Franklin Virtual High School. Dự án đã được thí điểm chương trình THPT Song bằng tại trường THPT Lê Hồng Phong. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án là các chi phí tập hợp trong giai đoạn triển khai dự án, khi dự án chính thức có doanh thu sẽ được kết chuyển dần vào chi phí theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số (i)	Giá trị hợp lý (iv)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số (i)	Giá trị hợp lý (iv)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào công ty liên kết	278.850.000.000	-	282.180.426.336		278.850.000.000	-	280.894.253.839	
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	100.000.000.000	-	100.239.641.325		100.000.000.000	-	99.999.626.392	
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	98.000.000.000	-	100.913.967.654		98.000.000.000	-	99.795.745.768	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	78.890.000.000	-	79.066.817.357		78.890.000.000	-	79.138.881.679	
Công ty Cổ phần Studynet (ii)	1.960.000.000	-	1.960.000.000		1.960.000.000	-	1.960.000.000	
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(125.100.000)	474.000.000		599.100.000	(91.323.000)	507.777.000	
Cổ phiếu niêm yết								
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(125.100.000)	-		125.100.000	(91.323.000)	33.777.000	33.777.000
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000		360.000.000	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000		114.000.000	-	114.000.000	
b) Đầu tư vào trái phiếu	15.110.000.000	-	15.110.000.000	15.110.000.000	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (iii)	15.110.000.000	-	15.110.000.000	15.110.000.000	-	-	-	
Cộng	294.559.100.000	(125.100.000)	297.764.426.336	15.110.000.000	279.449.100.000	(91.323.000)	281.402.030.839	

Ghi chú:

i. Giá trị ghi số của khoản đầu tư được ghi nhận như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng.

ii. Công ty Cổ phần Studynet đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do tại 31/12/2018 Công ty Cổ phần Studynet đang cho Công ty vay 2.800.000.000 VND như đã trình bày tại thuyết minh số 21 – “Vay và nợ thuế tài chính”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- iii. Khoản trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn trái phiếu 7 năm từ ngày 19/12/2018 đến ngày 19/12/2025. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam. Phương thức trả lãi: Trả sau. Một năm trả lãi một lần.
- iv. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,77%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Tp. Hà Nội	13,78%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

Trong năm, tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Speedy có doanh thu chủ yếu là việc bán đồ dùng học tập cho đối tượng học sinh đang học tại các trung tâm tiếng Anh của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Hoạt động kinh doanh này có lợi nhuận gộp không lớn. Trong năm 2018, Công ty này lỗ khoảng 213 triệu đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm khoảng 1,2 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy có doanh thu chủ yếu là việc bán sách cho đối tượng học sinh đang học tại các trung tâm tiếng Anh của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax; Apax Academy được toàn quyền in ấn và phân phối sách cho bên Apax English. Hoạt động kinh doanh này đem lại lợi nhuận trước thuế trong năm khoảng 4 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland thực hiện đầu tư thông qua các khoản đầu tư tài chính. Lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính với giá trị khoảng 2,2 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	540.893.488.162	-
Tăng trong năm	-	574.400.164.421
Phân bổ vào chi phí trong năm	(57.440.016.444)	(33.506.676.259)
Tại ngày cuối năm	483.453.471.718	540.893.488.162

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	34.787.245.489	34.787.245.489	26.915.343.981	26.915.343.981
Chungdahm Learning, Inc	11.640.000.000	11.640.000.000	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	4.609.019.671	4.609.019.671	-	-
Công ty Cổ phần TV HUB	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	2.147.278.235	2.147.278.235	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	2.294.424.530	2.294.424.530	1.490.060.626	1.490.060.626
Các đối tượng khác	10.696.523.053	10.696.523.053	17.597.683.355	17.597.683.355
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	16.263.814.671	16.263.814.671	7.827.600.000	7.827.600.000
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	11.640.000.000	11.640.000.000	7.827.600.000	7.827.600.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup - Cổ đông lớn	4.609.019.671	4.609.019.671	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Eduland	14.795.000	14.795.000	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản ứng trước tiền học của học sinh tại các trung tâm, cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	118.568.254.669	52.676.162.281
Trung tâm Hai Bà Trưng	16.694.448.406	4.164.303.688
Trung tâm Flemington	5.055.467.192	918.278.000
Trung tâm Quảng Ninh 1	5.001.839.471	6.829.763.885
Trung tâm Times City	3.891.418.275	1.471.029.825
Trung tâm Hoàng Quốc Việt	3.808.176.925	1.814.863.016
Trung tâm Cộng Hòa	3.692.252.236	1.649.143.399
Trung tâm Láng Hạ	3.206.682.324	818.056.999
Trung tâm Quang Trung	3.165.523.695	2.431.664.000
Các trung tâm còn lại	74.052.446.145	32.579.059.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	810.261.042	11.531.914.558	8.647.044.064	3.695.131.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.985.632.661	38.625.046.613	37.664.885.504	22.945.793.770
Thuế thu nhập cá nhân	16.284.073.188	65.631.318.423	71.342.188.094	10.573.203.517
Các loại thuế khác	14.648.878.121	20.013.956.260	32.761.216.584	1.901.617.797
Cộng	53.728.845.012	135.802.235.854	150.415.334.246	39.115.746.620
b) Phải thu				
Các loại thuế khác	-	6.000.000	7.000.000	1.000.000
Cộng	-	6.000.000	7.000.000	1.000.000

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	43.751.479.058	80.874.714.505
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm (i)	26.001.440.382	77.156.009.277
Trích trước chi phí lương tháng 13	12.438.662.978	-
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1.104.390.394	2.113.056.580
Trích trước chi phí khác	4.206.985.304	1.605.648.648

Ghi chú:

- (i) Là giá trị tài sản ghi nhận tạm tăng tại các trung tâm và các trường mầm non và các trung tâm tiếng anh như trình bày tại Thuyết minh số 6.

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	264.826.370.455	251.925.203.534
Tiền học phí thu trước	261.745.057.121	251.925.203.534
Thẻ học các khóa học tiếng anh online cho học sinh	3.081.313.334	-
b) Dài hạn	23.547.209.691	13.946.774.479
Tiền học phí thu trước	23.547.209.691	13.946.774.479

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.599.249.928	4.310.607.999
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	666.778.057	1.791.943.685
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	600.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.931.871.871	2.518.664.314
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	-	1.735.062.157
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	1.968.491.603	-
- Các đối tượng khác	2.963.380.268	783.602.157
b) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan	1.968.491.603	1.765.262.157
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	-	1.735.062.157
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	1.968.491.603	-
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	30.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	193.825.047.698	193.825.047.698	382.356.038.418	331.516.426.080	142.985.435.360	142.985.435.360
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>158.544.529.583</i>	<i>158.544.529.583</i>	<i>347.242.161.887</i>	<i>313.343.100.456</i>	<i>124.645.468.152</i>	<i>124.645.468.152</i>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Trái phiếu phát hành	-	-	-	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết (i)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	5.960.000.000	5.960.000.000	5.960.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (ii)	149.784.529.583	149.784.529.583	323.282.161.887	273.481.074.400	99.983.442.096	99.983.442.096
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	4.002.026.056	4.002.026.056	4.002.026.056
Bà Bùi Thị Thanh Vân	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Bà Ngô Trà My	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Hoàng Diệp	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	-	-	60.000.000	60.000.000	60.000.000
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	35.280.518.115	35.280.518.115	35.113.876.531	18.173.325.624	18.339.967.208	18.339.967.208
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (iii)	121.967.208	121.967.208	121.967.208	121.967.208	121.967.208	121.967.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (iv)	30.202.000.000	30.202.000.000	30.202.000.000	13.662.000.000	13.662.000.000	13.662.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (v)	4.956.550.907	4.956.550.907	4.789.909.323	4.389.358.416	4.556.000.000	4.556.000.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	249.199.314.543	249.199.314.543	224.977.802.959	37.383.876.531	61.605.388.115	61.605.388.115
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (iii)	233.770.508	233.770.508	-	121.967.208	355.737.716	355.737.716
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (iv)	26.287.766.691	26.287.766.691	13.464.116.292	30.202.000.000	43.025.650.399	43.025.650.399
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (v)	17.594.610.677	17.594.610.677	4.160.520.000	4.789.909.323	18.224.000.000	18.224.000.000
Trái phiếu phát hành (vi)	205.083.166.667	205.083.166.667	207.353.166.667	2.270.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến ngày 15/10/2018;
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/8674692/HĐTD ngày 28/06/2018, thời hạn vay từ ngày 28/06/2018 đến ngày 28/06/2019. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của bà Nguyễn Thị Thu Hương và ông Nguyễn Ngọc Thủy; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân;
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến ngày 15/11/2017 là 7,9%/năm. Thời gian tiếp theo đến ngày 15/11/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017, thời hạn vay từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/09/2022. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất 10,4%/năm thay đổi 3 tháng/lần, mục đích bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup;
- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mua bản quyền, giấy phép, chương trình học từ Công ty Chungdahm Learning Inc. Lãi suất: bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền.
- (vi) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: Giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 VND để mua 18.878.584 cổ phiếu Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Công ty con – Công ty cổ phần Anh ngữ Apax lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	313.010.600.000	-	-	11.566.005.214	-	-	324.576.605.214			
Tăng vốn góp trong năm	375.789.400.000	90.074.070.000	-	-	160.216.172.955	-	465.863.470.000			
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	171.141.394.100			
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	172.360.551.203			
Số dư đầu năm	688.800.000.000	90.074.070.000	90.074.070.000	171.782.178.169	183.285.772.348	1.133.942.020.517				
Lãi trong năm	-	-	-	58.489.469.599	27.805.412.838	86.294.882.437				
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(68.880.000.000)	-	(68.880.000.000)				
Tăng vốn góp trong năm (ii)	-	-	-	-	85.174.160.000	85.174.160.000				
Giảm khác (iii)	-	-	-	(644.758.107)	(292.243.537)	(937.001.644)				
Số dư cuối năm	688.800.000.000	90.074.070.000	90.074.070.000	160.746.889.661	295.973.101.649	1.235.594.061.310				

Ghi chú: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 688.800.000.000 VND trên cơ sở kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoàn thành ngày 04/8/2017.

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 09/04/2018 của Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 10% bằng tiền. Tổng số tiền cổ tức đã thực chi cho các cổ đông trong kỳ là 68.081.346.350 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/04/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 06/04/2018 tại Công ty con - Công ty cổ phần Anh ngữ Apax đã thông qua việc chào bán 27.396.000 cổ phần, giá bán 10.000 đồng/cổ phần, vốn điều lệ sau chào bán là 611.960.000.000 VND, cổ đông hiện hữu được mua thêm số cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu trước chào bán.
- (iii) Vốn điều lệ thu được từ đợt chào bán sẽ được tài trợ cho kế hoạch mở rộng mạng lưới trung tâm mới và dự án Leader in me. Ghi giám do điều chỉnh chi phí thuế của các kỳ trước tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Kết luận thanh tra thuế số 3641/KL-CT-TTr1 ngày 23/01/2018 của cục thuế thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Các đối tượng khác

Cộng

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

- Vốn góp tăng trong năm

- Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	490.000.000.000	490.000.000.000
	198.800.000.000	198.800.000.000
	688.800.000.000	688.800.000.000

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
	688.800.000.000	688.800.000.000
	688.800.000.000	313.010.600.000
	-	375.789.400.000
	688.800.000.000	688.800.000.000
	68.880.000.000	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
	68.880.000	68.880.000
	68.880.000	68.880.000
	68.880.000	68.880.000
	10.000	10.000

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ - Cùng

chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech - Cùng

chủ sở hữu

c) Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại

- Hàng bán bị trả lại

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
	1.045.143.074.485	549.759.757.994
	2.835.213.228	9.237.344.128
	1.042.307.861.257	540.522.413.866
	-	6.000.000.000
	-	3.000.000.000
	-	1.500.000.000
	-	1.500.000.000
	1.045.143.074.485	549.759.757.994
	(16.100.000)	(434.500.000)
	-	(434.500.000)
	(16.100.000)	
	1.045.126.974.485	549.325.257.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.525.468.235	8.222.552.128
Giá vốn cung cấp dịch vụ	549.708.699.892	249.426.538.709
	551.234.168.127	257.649.090.837

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.180.943.636	13.177.605.215
Lãi bán các khoản đầu tư	-	8.843.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.000.000	2.320.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	4.224.149
Doanh thu tài chính khác	-	99.051.608.361
	15.216.943.636	121.078.757.725

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.891.076.804	5.533.733.977
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.680.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	819.621.300	79.880.590
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	33.777.000	91.323.000
Chi phí tài chính khác	256.983.610	210.434.361
	28.001.458.714	5.917.051.928

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	180.850.190.129	96.872.152.022
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	57.559.336	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	176.380.304	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	886.910.088	462.456.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.253.773.068	26.096.942.890
Chi phí khác bằng tiền	6.154.301.685	9.771.947.417
	240.379.114.610	133.203.498.515
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	30.466.560.993	20.287.325.635
Chi phí đồ dùng văn phòng	902.371.182	55.155.852
Chi phí khấu hao TSCĐ	600.399.928	280.343.370
Thuế, phí và lệ phí	547.914.321	390.173.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.632.888.438	9.464.779.096
Lợi thế thương mại phân bổ	57.440.016.444	33.506.676.259
Chi phí bằng tiền khác	6.835.226.662	4.033.948.811
	121.425.377.968	68.018.402.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	562.241.171	-
Chi phí nhân công	503.742.937.701	242.885.031.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.405.735.047	49.288.277.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.919.492.311	146.292.537.843
Chi phí khác bằng tiền	18.940.442.784	12.182.592.601
	913.570.849.014	450.648.439.624

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu về hợp tác bán sách	7.525.022.222	-
Xuất phần bản quyền sách	2.780.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.482.192.461	-
Thu nhập khác	6.012.019.244	1.425.875.422
	17.799.233.927	1.425.875.422

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi về hợp tác bán sách	6.813.362.305	-
Các khoản khác	5.580.749.443	11.199.850.685
	12.394.111.748	11.199.850.685

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	37.673.112.279	26.744.856.515
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.673.112.279	26.744.856.515

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	58.489.469.599	160.216.172.955
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	58.489.469.599	160.216.172.955
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	68.880.000	48.606.752
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	849,15	3.296,17
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

(i) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Năm 2017 Công ty không thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và trong lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không phát sinh doanh thu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 91%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 10% tổng doanh thu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	443.024.362.241	204.590.823.475
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(479.116.207.042)	(270.700.519.343)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>1.235.594.061.310</u>	<u>1.133.942.020.517</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,0%</u>	<u>0,0%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.116.207.042	270.700.519.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	195.662.503.399	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	474.000.000	507.777.000
Tổng cộng	675.252.710.441	425.888.380.562
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	443.024.362.241	204.590.823.475
Phải trả người bán và phải trả khác	39.719.717.360	29.434.008.295
Chi phí phải trả	43.751.479.058	80.874.714.505
Tổng cộng	526.495.558.659	314.899.546.275

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày tỷ lệ thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.116.207.042	-	479.116.207.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.355.073.070	42.307.430.329	195.662.503.399
Đầu tư tài chính dài hạn	-	474.000.000	474.000.000
Tổng cộng	632.471.280.112	42.781.430.329	675.252.710.441
Số cuối năm			
Các khoản vay	193.825.047.698	249.199.314.543	443.024.362.241
Phải trả người bán và phải trả khác	39.719.717.360	-	39.719.717.360
Chi phí phải trả	43.751.479.058	-	43.751.479.058
Tổng cộng	277.296.244.116	249.199.314.543	526.495.558.659
Chênh lệch thanh khoản thuần	355.175.035.996	(206.417.884.214)	148.757.151.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	270.700.519.343	-	270.700.519.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.412.425.424	22.267.658.795	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	-	507.777.000	507.777.000
Tổng cộng	403.112.944.767	22.775.435.795	425.888.380.562
Số đầu năm			
Các khoản vay	142.985.435.360	61.605.388.115	204.590.823.475
Phải trả người bán và phải trả khác	29.434.008.295	-	29.434.008.295
Chi phí phải trả	80.874.714.505	-	80.874.714.505
Tổng cộng	253.294.158.160	61.605.388.115	314.899.546.275
Chênh lệch thanh khoản thuần	149.818.786.607	(38.829.952.320)	110.988.834.287

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Chungdahm Learning, Inc
 Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool
 Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ
 Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech
 Công ty Cổ phần Studynet
 Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy
 Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland
 Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy

Bên liên quan

Ông Nguyễn Ngọc Thùy
 Ông Nguyễn Mạnh Phú
 Ông Nguyễn Ngọc Khánh
 Bà Vũ Cẩm La Hương
 Ông Nguyễn Trọng Quỳnh
 Ông Quách Mạnh Hào
 Ông Nguyễn Minh Chính
 Ông Sang Ho Jung

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup

Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Kế toán trưởng
 Thành viên Hội đồng Quản trị
 Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
 Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
 Thành viên Hội đồng Quản trị
 Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
 Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm
 ngày 27/07/2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Số cuối năm VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Nhận tạm ứng	217.624.500	-	217.624.500	-
Giao dịch với Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Nhận tiền vay từ Công ty Thanh toán tiền lãi vay	-	320.350.000.000 5.274.065.277	320.350.000.000	- 5.274.065.277
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Nhận tiền vay từ Công ty Thanh toán tiền lãi vay	-	44.000.000.000 40.614.829.345	44.000.000.000 121.000.000	- 40.614.829.345
Nguyễn Ngọc Thùy Công ty cổ phần Studynet CTCP Anh ngữ Apax Academy	Chủ tịch HĐQT Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Bán hàng Cho CTCP Anh ngữ Apax vay Phải thu từ mua bán và Thu chi hộ Mua hàng hóa từ CTCP Anh ngữ	2.800.000.000 3.322.297.631	- 31.337.256.689	- 36.642.004.923	- 2.800.000.000 (1.982.450.603)
CTCP Anh ngữ Apax Speedy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Apax Phải thu khác Phải thu từ mua bán và Thu chi hộ	500.000.000 841.609.794	- 3.989.293.748	500.000.000 256.500.000	- 4.574.403.542 78.000.000
CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Bán hàng Mua hàng hóa, dịch vụ Trả trước cho Egroup	78.000.000	- 571.472.104 800.000.000	- -	- 571.472.104 800.000.000
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	Mua hàng hóa, dịch vụ	7.827.600.000	48.122.698.012	44.310.298.012	11.640.000.000
Công ty Cổ phần Studynet Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax Cùng chủ sở hữu	Phải thu khác Nhận tiền vay từ Công ty Phải thu khác Phải thu từ mua bán và Thu chi hộ tiền hàng	191.636.250 100.000.000 90.029.168 115.261.902	- - - 992.980.286	- - - 100.855.000	- 191.636.250 100.000.000 90.029.168 1.007.387.188

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Số cuối năm VND
Giao dịch với Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten						
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Thanh toán tiền lãi vay	682.759.941	-	-	682.759.941
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT	Thanh toán tiền lãi vay	524.540.484	-	30.000.000	494.540.484
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	18.590.375.462	18.590.375.462	-
		Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	11.628.736.351	-	11.628.736.351
Giao dịch với Công ty TNHH Apax Franklin Academy						
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty	Cho Công ty TNHH Apax Franklin Academy vay	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	3.030.763.085	2.423.500.189	607.262.896

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

Năm nay VND	Năm trước VND
1.421.700.000	808.117.000
1.421.700.000	808.117.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.






Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2019



Nguyễn Mạnh Phú
Kê toán trưởng



Nguyễn Thị Hải
Người lập